

# VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOÀNG PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ 8 số 84 - Ngày 29-9-49 (Mồng 8-8 Kỷ-Sửu)

Phật lịch 2512

# MỤC LỤC

|                                |              |
|--------------------------------|--------------|
| Giải Thoát . . . . .           | TRÍ-ĐỨC      |
| Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm . . . . . | THIỆN-SIÊU   |
| Nhơn Quả . . . . .             | THUYỀN-MINH  |
| Lời Phật dạy . . . . .         | MINH-CHÂU    |
| Những mẫu chuyện đạo . . . . . | MINH-CHÂU    |
| (Thor) Thuật Sống . . . . .    | TỔNG-ANH-NHỊ |
| Tám điều sai lầm . . . . .     | TRÍ-QUẢNG    |
| Đạo Phật ở Phần Lan . . . . .  | PHƯƠNG-CHU   |

Hội « LES AMIS DU BOUDDHISME PARIS » tiếp tục gửi sách báo đề Tổng Trị-Sự Phát-Hành. Hiện có :

- 1) La Pensée Bouddhique từ tháng 7-39 đến 7-49 cộng 31 tập (mỗi collection)
- 2) La Sagesse du Bouddha
- 3) La Parole du Bouddha.
- 4) La Méditation Bouddhique,
- 5) Deux Essais sur le Bouddhisme.
- 6) Le Bouddha
- 7) Pirit Nula.
- 8) Des Morts Tibétains.
- 9) Le Yoga Tibétain (Doctrines Secrètes).
- 10) Dharma-Samuccaya.

Còn nhiều sách khác chưa tiếp được ; nếu Tỉnh-Hội nào, đạo hữu nào cần thỉnh đề nghiên-cứu thì gửi thư tin trước Tổng Trị-Sự biết mà đề dành cho. Giá thỉnh sách sẽ tính (tỷ giá sách thêm cước phí ở Pháp gửi qua và cước phí ở Huế gửi đi).

# GIẢI - THOÁT, MỘT MỤC ĐÍCH

TRÍ - ĐỨC

**Giải-thoát.** — Giải-thoát là một thắng đức trong ba đức của Phật: là Pháp Thân, Bát nhã, Giải-thoát, nếu khi ba thắng đức ấy hoàn toàn viên mãn thì gọi là Phật.

Vậy nên giải-thoát hoàn toàn và tuyệt đối là sự chung kết của Phật-đà, cũng là chỗ xu hướng chung của mọi loài chúng sanh. Không những nhân loại mà loài nào cũng thế vì đang ở trong mê lầm đau khổ nên đều có quan niệm lánh khổ tìm vui, mong cầu giải-thoát. Cũng vì vậy người đời thường gọi đạo Phật là đạo giải thoát chung cho tất cả chúng sanh, hay gọi là tôn-giáo của chúng sanh đau khổ.

Nhưng trừ các bậc đã cứu kính giác-ngộ thì chúng sanh đang mấy ai giải-thoát? Tuy hết sức mong cầu mà vẫn luôn luôn sống trong cảnh ngộ trái ngược khổ đau. Nguyên do vì chúng sanh chỉ biết tìm giải-thoát nơi bên ngoài mà không chịu tìm giải-thoát chính ở nơi mình. Chính ta là nguyên nhân, là hình ảnh của đau khổ mà ta cũng là nguyên nhân, là hình ảnh của giải thoát. Nếu không thâm nhận sự thật ấy thì chưa thể được giải-thoát trọn vẹn. Thế nên bản-hoài của Phật xuất-thế là cốt dạy chúng sanh diệt bỏ mê lầm, giác ngộ chân lý, ngoài ra đều xem những điều phụ thuộc. Ngài không quan tâm đến cảnh khoái lạc huy hoàng của một địa vị đế-vương, không dừng chân trong rừng khổ hạnh, cũng không thỏa mãn với những cõi trời tứ thiên, tứ không mà các hàng ngoại đạo đều cho là nơi rốt ráo cuối cùng của đạo họ. Bao nhiêu nỗi vui đẹp ở các chỗ ấy đối với Ngài đều là cái vui trá

hình, chưa phải đã dứt hẳn được mê-lâm, giải thoát ngoài vòng luân hồi sanh tử.

Mục đích của người theo Phật là sự giải thoát nên Phật-tử không được chú trọng việc cầu tài cầu phúc, cầu quả báo tốt đẹp ở nhân thiên. Họ cần phải phát-tâm hướng mạnh về giải-thoát, thì sự tu hành mới càng lâu càng bền, càng khó càng dai và có ngày đạt được mục đích cuối cùng như chư Phật. Trái lại, như ngài Lục-tổ nói trong Kinh Pháp-Bảo-Đàn : « Nếu tự tánh chân thật đang mê, thì phước nào cứu được. »

Nhưng giải thoát hoàn toàn là thế nào ? Muốn hiểu, trước cũng nên biết thế nào là giải thoát chưa viên mãn.

**Giải-thoát hoàn cảnh.**— Hoàn cảnh bên ngoài vẫn gây nên đau khổ, cho nên tất cả chúng sanh đều cần đến sự giải-thoát cho mình trong đời sống hiện tại, nghĩa là được sống với quyền sống rộng rãi thiêng liêng của mình đã mang ở giữa cõi trần này, mà không bị kiềm hãm trong sự bất công mạnh hiếp yếu, khôn hiếp đại, lớn hiếp bé v.v..

Có hai cách giải-thoát khỏi những ràng buộc đau khổ của hoàn cảnh đối với bản thân :

1) Cải tạo hoàn cảnh vật chất cho thật hết sức tốt đẹp như xứ Bắc-cu-lô-châu theo trong kinh Phật dạy. Nhân loại ở đây chẳng có đau bằng. Vì ở đây nhân loại đã đến trình độ văn-minh vật chất cực điểm. Đồ ăn mặc, khí dụng lúc nào cũng sẵn sàng để cho người ta dùng tùy ý, không cần làm việc mà không thiếu thốn, không lập cơ quan cai trị mà vẫnặng thuận hòa an ninh, cho đến sanh con đẻ cái chỉ do công chúng nuôi, không nhọc nhằn cha mẹ cấp dưỡng. Họ đẹp đẽ, họ mạnh mẽ, họ giàu sang, họ trường thọ, không bị điều chi đau khổ. Nhưng Phật kết luận sanh về Bắc-cu-lô-châu là một cái nạn, vì ở đây người chỉ biết đắm say theo vật dụng không phát đạo tâm và thường phải sa-đọa.

2) Không chú trọng đến hoàn cảnh bên ngoài như những người xuất-gia trong Phật-giáo. Họ ăn mình vào nơi thanh vắng của chùa

chiến, rừng núi, thâu hẹp đời sống vật chất mà mở rộng đời sống tinh thần. Vật chất phồn hoa đối với họ là môi ngon của dục vọng, trợ lực của cạnh tranh, và nhân đó chúng sanh sẽ gieo trồng ác nhân mà sẽ nhận lấy ác quả. Vật chất đã không hay nên cần phải xa lìa, đề huân-tu về đạo lý. Đến khi đời sống vật chất trở nên món đồ phụ thuộc hẳn, thì không cần lợi, danh, vinh nhục gì bên ngoài đến buộc ràng và lay chuyển. Sánh với hạng trên thì hai đảng khác nhau, một bên tìm sống trong vật chất đầy đủ, một bên không quan tâm đến vật chất bên ngoài. Cả hai đều mới đến một phương diện của giải-thoát, giải thoát về hoàn cảnh.

**Giải-thoát về tự tâm.** — Tuy đã vượt khỏi những buộc ràng của hoàn cảnh chi phối bên ngoài, nhưng bên trong còn bao nhiêu giống phiền não si mê thì vẫn chưa thoát hết nỗi thống khổ lớn lao mà vẫn chắc do chúng gây nên. Nếu người ta nhận thấy đời không com ăn, rét không áo mặc là khổ thì người ta cũng cảm nghe dục vọng rặt rào, tâm tư nhỏ hẹp mờ tối càng khổ hơn, khó chịu hơn. Biết bao người ngậm hờn trên hoa gấm, nuốt lệ trong ngọc ngà và họ cũng có thể chết mòn chết mỏi như những sự đói nghèo rét mướt của hạng người thời thóp gần bên cửa mồ, hoặc còn khổ hơn là khác, vì ít ai vì đói rét mà quên sanh chứ người vì ích kỷ, vì tham lam, vì sân si, vì tật đố... mà tự sát thì nhiều lắm.

Bởi vậy, muốn giải-thoát mọi điều thống khổ cũng phải xem như trị chứng ung thư, phải chữa cả ngoài lẫn trong, chứ nếu chỉ vui với sự lành mặt ngoài da thì ắt sẽ bị bọ vi trùng độc đục khoét bên trong và đưa tánh mạng đến chỗ cực nguy hiểm. Tất cả khổ cảnh đều do giống độc trùng tham sân si gây tạo, nên dù ở hoàn cảnh vật chất đủ thiếu sang hèn thế nào cũng chưa quan hệ mấy mà quan hệ tại bao nhiêu giống độc ấy bị bắt đi hoặc đương sanh trưởng mà thôi. Nếu chúng sanh-trưởng mãi không ngừng thì ở vào trường-hợp nào cũng hoàn toàn đau khổ và gây nên đau khổ. Người ta thường nói thứ thuốc ấy độc, thứ súng đạn ấy tối tàn

nguy hiểm, nhưng xét ra thì thứ thuốc ấy, súng đạn kia thật chưa giết hại ai bao giờ, mà giết hại nhiều là tự nơi giống tham sân si v.v... nơi mỗi cá nhân chúng sanh vậy. Thế nên cái tạo tham, sân, si tức là cái tạo nguyên nhân, là mở một con đường thẳng đến đích giải thoát rộng rãi lâu dài ngoài vòng luân hồi sanh tử.

Nguồn gốc tham sân si ấy chính là mê lầm. Mê lầm chấp có thật ngã, mê lầm chấp có thật pháp mà muốn thoát khỏi tham sân si tức là phải trừ, bỏ gốc mê lầm. Vì, tại sao mà tham ? tại thấy có ta và có mọi vật. Tại sao mà giận ? tại thấy có ta và có mọi vật... ấy thế, đã nhận không làm có, nhận giả thành chơn nên mới có đau khổ.

Chúng sanh hằng ngày, suốt từ sáng đến tối, thức cũng như ngủ chỉ sống với giả tướng giả danh chứ chưa bao giờ được chứng nhập với sự thật. Trái lại còn cho bao nhiêu giả ảnh ấy là thật, dùng ý-thức phân biệt, đề đòi hỏi tham lam, giận hờn và nghi hoặc. Không nhận sự vật một cách khách quan lại thêm vào chủ quan và tư kiến, nên mãi mãi mê lầm. Tất cả phiền não từ đó mà ra thì tất cả buộc ràng đau khổ cũng từ đó mà sanh trưởng, nếu quan sát biết rõ ràng tất cả, dù hiện-tượng, trừu-tượng, khái niệm v.v... đều là giả dối, biến tướng của thức-tâm, thì mê lầm bị tiêu diệt, trí-huệ hiện ra ẩn hợp với thật lý thật sự, và đồng thời những đứa con đẻ của mê lầm như phiền não, như nghiệp, như khổ đều bị tiêu tan mà giải-thoát luân hồi sanh tử. Nghĩa là giải-thoát tất cả nhiễm ô, trừc ác, tất cả những gì của Tam-giới chúng sanh hiện đang chịu... .

**Giải-thoát hoàn toàn.** — Như trên cời mở mọi điều triển-phục nơi tự tâm, thoát khỏi chốn lao tù ba cõi là một công trình lớn lao thiết thực nhưng chưa phải là tuyệt đối hoàn toàn, chưa phải đã phá hết mê lầm thâm kín nhỏ nhiệm, đến đó chỉ mới phá được mê lầm về nhân ngã mà vẫn còn mê lầm về pháp ngã, nên phần trí giải cũng như phần thật hành còn đang ở trong vòng tương đối cả. Trí-giải tương đối vì còn thấy có giải-thoát và chưa giải-thoát

đau khổ và an vui, Niết-bàn và sanh tử. Thật hành tương đối vì chỉ cải thiện hành vi xấu xa nơi mình mà tự giải-thoát cá-nhân còn e-dè chướng ngại, chưa đủ năng lực tự tại ra vào chỗ trước uế khổ não, cũng như ra vào chỗ thanh tịnh an vui để hành động những công việc lợi lạc vị tha mà không bị nhiễm trước. Trái lại giải-thoát hoàn toàn và tuyệt đối thì trí thức không còn bị thời gian không gian hạn chế, không còn bị tâm lý sanh lý tầm thường chi phối. Trí-huệ đã chứng nhập chân tướng của sự vật rồi nên tất cả cảnh-giới đều vô ngại hiện ra trong trí Bát-nhã viên-dung, ngoài trí không có cảnh, ngoài cảnh không có trí, cảnh trí đều như như thì đối với uế cũng như với tịnh, ở trong sanh tử cũng tức an trú Niết-bàn, không thấy có chi sai khác phải bị buộc ràng, hay tìm cảnh giải-thoát ra ngoài ba cõi. Như Khế Kinh nói « Không xa lìa vẫn tự tức là tướng giải-thoát (Kinh Duy-ma-cật).

Nhưng được giải-thoát ấy chỉ là các vị Pháp-thân Bồ-tát và các đức Phật. Chư Phật tức nơi chân-như tự-tánh mà luôn luôn khởi diệu-dụng độ sanh, thì hành tất cả thiện sự, dù ở địa ngục, dù ở chư thiên, dù ở Niết-bàn hay sanh tử cũng như hoa sen sanh ở trong bùn. Giải-thoát tất cả mà không thấy có tướng giải-thoát, tự tại trong công việc lợi tha, không phân biệt thân sơ không có nhân ngã, tuy hướng dẫn mọi người mà mọi người không nhọc, trên tất cả chúng sanh mà chúng sanh không thấy nặng nề, thế thì còn chi ràng buộc mà không phải là giải-thoát hoàn toàn tuyệt đối. Trở lại với trên kia, thấy hạnh phúc khoái lạc của phàm-phu chưa phải là giải-thoát, cõi thiên-đàng đẹp đẽ của ngoại đạo chưa phải là giải-thoát, cho đến cảnh giới Niết-bàn xuất ly sanh tử của nhị thừa cũng chưa phải giải-thoát hoàn toàn, chỉ duy các đức Phật mới được như thế. Nhưng nếu trong hành vi cũng như ý nghĩ của ta mà có được đôi phần đức tánh của cái chơn-giải-thoát ấy thì mới thật là ta có giải-thoát, thiết an vui và lợi ích thật sự cho tất cả mọi người mọi vật.

# KINH THỦ LĂNG NGHIỆM

THIỆN-SIÊU

## DIỄN NGHĨA (Tiếp theo)

Tri-Địa Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đầu lay chân Phật bạch rằng : «tôi nhớ kiếp xưa đời đức Phổ-Quang Như-Lai xuất-hiện giữa đời, tôi làm Thầy Tỷ-Kheo thường đi đến các nẻo đường bến dò, ruộng đất hiểm trở hoặc không được bằng phẳng, phòng làm hại xe ngựa thì tôi đắp ngay ngăn, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh cát đất, siêng năng khó nhọc như vậy, trải qua vô lượng vị Phật ra đời. Hoặc có chúng sanh ở chỗ chợ búa, cần người để chuyển vật, tôi trước hơn ai cả, vì họ, chuyển đi đến nơi tận chỗ, để đồ vật xuống liền đi ngay, chứ không nhận lấy tiền thuê. Trong khoảng đức Phật Tỳ-Xá-Phù ra đời, ở thế-gian phần nhiều bị đói thiếu, tôi làm người chuyển không kể gần xa, chỉ lấy thuê một tiền; nếu có xe trâu mắc phải bùn lầy thì tôi đem thân lực vì chúng đẩy xe, cứu vớt sự khó

nào. Vị quốc-vương thuở ấy, mời Phật thiết trai cúng dường, bấy giờ tôi sửa sang đất đai bằng phẳng cho Phật đi qua, đức Tỳ-Xa Như-lai khi ngang qua, xoa đầu tôi và bảo : «hãy bình tâm-địa thì thế giới đại địa tất cả đều bình » Tâm tôi liền dặng mở mang thấy rõ vi-trần nơi thân cùng những vi-trần tạo thành ra thế giới bình đẳng không khác, tự tánh của vi-trần không chạm lẫn nhau..... cho đến đạo binh cũng chẳng hề dính dáng trong các pháp tự-tánh, ngộ pháp vô-sanh-nhãn, thành bậc A-La-Hán. Xoay tâm Tiều-Thừa này vào trong vị Bồ-tát, nghe các đức Như-Lai cho tri kiến Phật như diệu-liên hoa, tôi dặng chứng tỏ đầu tiên mà làm vị thượng thủ. Nay Phật hỏi chỗ viên-thông, tôi do chỗ để-quán hai thứ vi-trần của căn thân và thế-giới bình đẳng như nhau, vốn tự Như-lai-tạng hư vọng phát sanh trần-cấu, trần tiêu mà trí viên mãn, thành đạo Bồ-Đề ấy là thứ nhất.

Nguyệt-Quang Đồng-Tử liền từ chỗ đứng dậy, đầu lạy chân Phật bạch rằng : « Tôi nhớ hằng hà sa số về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Thủy-Thiên, dạy các vị Bồ-tát tu phép quán nước chứng nhập chánh định. Quán nước ở trong thân, tánh nó không cướp đoạt nhau. Đầu tiên quán tự nước miệng,

cuối cùng đến mồ hôi, tinh, huyết, đại tiện, tiểu tiện, xoay vần trong thân mà vẫn đồng một tánh nước. Quán thấy nước ở trong thân cùng các nước ngoài thế giới, Biển hương-thủy nơi cõi Phù-tràng-vương, bình đẳng không sai khác. Lúc ấy tôi mới thành phép quán nước, thì chỉ trông thấy nước mà chưa được không thân (nghĩa là còn chấp có thân này) đang lúc làm vị Tỷ-Kheo yên lặng tu thuyền ở trong nhà, bỗng có người đệ-tứ từ nơi cửa sổ ngó vào trong nhà, chỉ thấy nước trong khắp đầy cả nhà, không thấy gì khác nữa, nó trẻ dại không biết liền lấy một viên ngói quăng vào trong nước, quấy nước lên tiếng, ngó quanh quần rồi bỏ đi; sau khi tôi xuất-định, liền cảm nghe đau bụng, dường như Ông Xá-Lợi-Phất gặp phải nạn quỷ vi hại. Tôi tự suy nghĩ: nay tôi đã được quả A-La-Hán, khỏi bệnh duyên lâu ngày, vì sao nay bỗng phát sanh đau bụng, chừng bị thối thất chẳng! Bấy giờ đứa nhỏ thẳng đến trước tôi, nói lại việc như trên; tôi liền bảo: «Hễ người trông thấy nước lại, thì nên mở cửa vào trong nước, lượm quăng viên ngói đi» Đứa nhỏ vâng lời. Lúc sau tôi nhập định, nó trở lại thấy nước và viên ngói rõ ràng, liền mở cửa lượm ra, đến khi tôi xuất định, thân thể lại y như cũ. Gặp vô lượng

Phật, như vậy đến đời đức Sơn-Hải Tự-Tại Thông-Vương Như-Lai mới được vong thân, cùng với các nước biển hương-thủy khắp mười phương hợp một tánh chơn không, không hai không khác. Ngày nay đứng trước Như-Lai được danh hiệu đồng chơn, dự hội Bồ-Tát. Nay Phật hỏi viên-thông, tôi do thủy-tánh, một vị lưu thông; được pháp vô-sanh-nhãn, viên mãn đạo Bồ-đề, ấy là thứ nhứt.

Ông Lưu-Ly-Quang Pháp-vương-tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật bạch rằng : « tôi còn nhớ trải qua hằng sa kiếp trước, có đức Phật ra đời hiệu Vô-Lượng-Thanh, khai thị tánh Bồn-giác diệu-minh cho các hàng Bồ-tát, quán thế-giới này và các thân chúng sanh, đều bởi sức gió nhân duyên hư vọng chuyển biến ra. Tôi lúc bây giờ, quán cõi nước đứng yên, quán thời gian qua lại, quán thân phần đi đứng, quán tâm niệm động lay, tất cả các thứ động không hai, như nhau không sai khác.

Tôi hiểu biết rằng tánh của các món động ấy, đến thì không có chỗ ban đầu, đi không nơi cùng tột, chúng sanh điên đảo số như vi-trần trong mười phương đều đồng một tánh hư vọng. Như vậy cho đến những loài chúng sanh ở trong một Tam-thiên đại-thiên thế-giới chẳng khác nào trong một cái đồ chứa hàng trăm mòng muỗi vo vo loạn lạc, ở trong

phân tặc, nổi sanh cuồng náo. Gặp Phật chưa mấy mà chúng vô-sanh-nhân; bây giờ tâm địa mở mang, trông thấy phương đông cõi Phật Bất-động, làm con dâng Pháp-vương (Pháp) kính thờ mười phương Phật, thân tâm phát sáng, rỗng suốt không ngăn ngại. Nay Phật hỏi viên-thông, tôi do quán sát phong-lực giả dối không chỗ nương, ngộ tâm Bồ-đề chứng nhập Tam-ma-địa, hiệp với mười phương Phật truyền một diệu-giác-tâm, ấy là thứ nhứt.

### (ĐẠI-Ý)

PHẬT GẶP CHO CHÚNG NGỘ ĐỀ LỰA CHỌN  
CĂN VIÊN-THÔNG THÙ THẮNG (tiếp theo).

#### Địa-Đại Viên-Thông.

Ngài Tri-Địa Bồ-tát nhân nơi địa đại mà chứng ngộ viên thông. Phàm những vị phát tâm hướng cầu Bồ-đề mà tu Bồ-tát-hạnh, thường xem việc lợi-tha làm trọng, lợi kỹ làm khinh, lắm khi vì xả kỷ để mà lợi nhân cũng không tiếc. Nhưng phương tiện thực hành Bồ-tát-hạnh sai khác nhau, có vị dùng lời nói dịu dàng thuyết-pháp để lợi ích chúng sanh, có vị đem tiền tài của cải bố thí để lợi ích chúng sanh, v.v... còn như ngài Tri-Địa thì thường đem thần lực mạnh mẽ mà giúp ích nhiếp-hoá chúng sanh. Từ kiếp đức Phật Phổ-Quang xuất-thế, mãi về sau vô lượng kiếp thường đi qua các nẻo đường, bến dò, và bất cứ nơi nào hiểm trở lầy lội phùng ngại người đi, đều ra công tự gánh đất cát sửa sang bằng phẳng, xây dựng cầu cống, hoặc gánh gồng mang chở vật hạng giúp người về tận nơi chỗ, mà không lấy tiền thuê, ... cho đến đây dùm xe trâu bị bùn lầy

tự đi không nổi. v. v. . Sau nhân gặp đức Ti-Xá Như-Lai dạy một câu rằng : « nên bình tâm địa thì đại-địa thế-giới tất cả đều bình » mà tâm liền khai ngộ, chứng quả vô-sanh. Câu ấy nghĩa là tất cả đại-địa vi-trần từ trong thân đến ngoài thế-giới đều là giả-dối, không có tự tánh, chỉ do nhất tâm biến hiện. Chúng sanh vì mê không ngộ cảnh sở hiện ấy toàn là duy tâm vốn không trong ngoài, không năng sở, không cao thấp mà lại phân chia có trong ngoài, năng sở, cao thấp nên mới thấy tướng bất bình ; nếu gạt bỏ hết các vọng tưởng đảo điên, mà bình được tâm địa nơi mình thì đại địa ở giữa thế-giới tự nhiên bằng phẳng, xem thấy các vi-trần hợp thành nội thân, vi-trần hợp thành ngoại giới vốn đồng một tâm, tâm đồng một tánh, bình đẳng như như, không ngăn ngại nhau, thì dù dao cắt vào thân thể như rạch giữa hư không, vi trần không diệt cũng như băng tiêu thành nước, chỉ băng diệt chứ nước không bị mất, pháp-tánh vốn tự viên dung, chẳng có gì thêm, bớt, sanh, diệt, nếu ngộ được pháp-tánh ấy tức gọi là nhập chỗ tri kiến của Phật.

### Thủy Đại Viên Thông. -

Ông Nguyệt-Quang Đồng-tử nhân quán thủy đại mà ngộ nhập viên-thông. Thủy đại là chỉ tất cả nước trong biển cả, nước lưu hành trong thân v. v. . . , tuy thấy in tường có trong có ngoài mà vốn dung thông. Quán thủy đại dung thông cùng khắp cả thế giới không chỗ nào không phải nước, toàn một tướng nước mà thôi thì tâm phân biệt tiêu diệt, chân trí vô phân biệt hiện ra ; nhưng đây Ông Nguyệt-Quang lúc đầu vì chưa chứng được chơn-tự-tánh, tánh thủy tức là chơn-không, tánh thân tức là chơn không, tất cả đều chơn, tất cả đều không, nên ông thấy còn có

thân, còn đem tâm nhập định, dùng tâm quán nước, chứ chưa phải tâm tức là định, định tức là tâm, tâm tức là nước, nước tức là tâm ; vậy nên khi nhập định quán nước, có tướng nước hiện tiền, đưa đồng-tử thấy nước quăng ngói vào trong, đến khi xuất định tướng nước không còn lại nghe tâm đau. . . . . Về sau gặp đò đức Sơn-Hải Tự Tại Thông-Vương xuất-thế mới được vong thân, thân đã vong, pháp cũng diệt, thì cùng với mười phương đồng một tánh thủy chơn-không, không hai không khác, chẳng nhập định xuất định mà tự nhiên chứng được vô sanh pháp nhẫn.

### **Phong Đại Viên-Thông. -**

Ông Lưu-Lý-Quang Pháp-vương-tử do phong đại mà ngộ nhập viên-thông. Tánh Bồn giác-diệu-minh thường không điều động, nhân nơi nhân duyên mà có sự chuyển lay gọi là đại phong hay phong lực. Ông Lưu-Lý-Quang thường quán tất cả thân tâm thế giới đều như phong lực chuyển biến, nào sự thành lập phương cõi, sự qua lại của thời gian, sự động chỉ nơi thân, sự động niệm nơi tâm, thấy đều không tự tánh, đều do sức gió hư vọng phát sanh, không thật có đến có đi, hay có sanh diệt ; chúng sanh không nhận biết chỉ do một tánh hư vọng như thế nên cuộc chấp nơi thân phần bé nhỏ, thân lại ràng buộc vào thế-giới, rồi tự chịu lấy sự sanh tử luân hồi rất là đảo-diễn oan uổng ; không khác nào trăm ngàn con mòng muỗi và tri ở trong đồ hẹp bé gang tấc, tự kêu la inh ỏi, điều động lăng xăng mà thật ra gió hư vọng không chỗ nương, chỉ nương Bồ-đề Bồn-giác, như sóng nổi từ nước, hề gió hư vọng tiêu tức Bồ-đề hiển lộ, thông suốt không ngại, mười phương chư Phật đều lấy đó làm tâm, hết thấy chúng sanh cũng lấy đó làm tâm, chỉ một diệu tâm-vô nhị ấy nhưng mà chúng nhập được là phải diệt hết mê lầm.

(còn nữa)

# NHÂN QUẢ

THUYỀN MINH

Một người Phật-tử kính trọng đức Phật cao đến ngần nào thì ngang với lòng kính trọng ấy, trọng chân lý NHÂN-QUẢ cũng phải như thế.

Nhất là khi nào trong xã hội loài người, những màn cảnh đen tối diễn ra, những điều bất công được áp dụng, những kết quả thảm hại diễn mãi, thì những lúc ấy, tiếng loa NHÂN-QUẢ càng phải được vang to lên, như tiếng hồng chung trăm hùng thức tỉnh người lúc đêm khuya.

Chúng ta thấy, không một kết quả nào mà chẳng có nguyên nhân thì chân lý NHÂN-QUẢ thật đã cảnh tỉnh một cách hiệu quả lòng dạ sắt đá của con người. Đuốc sáng NHÂN-QUẢ đi đến đâu đen tối ĐAU-KHỔ tan đến đó.

Một phần vì hoàn cảnh, một phần vì tập quán, con người bằng lòng trôi cuốn theo Tội-Ác. Và có những khi, có những người lại cho Tội-Ác ấy là Lẽ-Phải. Nhưng trong những lúc đêm khuya canh tàn, yên tĩnh làm lắng tà-kiến xuống, khêu lương trí lên, trong lòng họ lúc ấy bao nhiêu hành-vi đều hiện rõ mồn một như những hình ảnh trên chiếc phim vừa rửa. Tiếng nói NHÂN-QUẢ bao giờ cũng hiệu quả, và hiệu quả nhất là những lúc này.

Nhưng vì NHÂN-QUẢ là sự thật quá hiển nhiên, hiển nhiên cho đến mỗi một đứa bé mới đẻ khát sữa cũng biết đòi bú, nên phần nhiều người ta hiểu nó một cách giản dị quá đến nỗi hầu như sai lầm. Vậy NHÂN-QUẢ là gì, tuy đã giải-thích nhiều chúng ta cũng phải nhắc lại.

I. — Trước hết, NHÂN-QUẢ là một cái luật. Cái luật ấy cắt nghĩa vạn hữu chẳng có cái gì cố định, chẳng có cái gì thường còn, chẳng có cái gì bỗng nhiên mà có hoặc từ một ý hướng nào phát hiện. Tất cả vạn hữu tương-quan và tương-duyên với nhau. Tương-quan là hề cái này có thì cái kia có, cái kia là nhân đối lại, nói cái này là quả. Tương-duyên nghĩa là giai đoạn trước thế nào kết quả giai đoạn sau cũng thế ấy, giai đoạn trước là nhân đối lại nói giai đoạn sau là quả. Cái kia đối với cái này như thế thì cái này đối với cái kia cũng thế, giai đoạn trước đối với giai đoạn sau như thế, thì giai đoạn sau đối với giai đoạn sau nữa cũng thế: Hết thủy vạn hữu, trên không gian trong thời gian đều sinh trưởng, biến hóa, kết thúc và chuyển biến trong sự quan duyên với nhau — đều sống trong sự chi-phối của luật NHÂN-QUẢ.

II. — Trong luật NHÂN-QUẢ, vạn hữu không khi nào có chữ ngẫu-nhiên hoặc chữ quyết-định, mà chỉ có chữ “nếu”: nếu có sự tương-quan tương-duyên như thế thì sẽ có sự phản-ứng như thế, nếu không có sự tương-quan tương-duyên như thế thì cũng không có sự phản-ứng như thế. — Hề NHÂN nào kết QUẢ đó, không có NHÂN ấy thì cũng không có QUẢ ấy. Không bao giờ ngẫu-nhiên phát sinh hoặc quyết-định không biến đổi.

III. — Chính vì nguyên tắc này nên chúng ta thấy, trong luật NHÂN-QUẢ, vì NHÂN (các điều kiện tương-quan tương-duyên) có khi thuận ứng với nhau hoặc có khi mâu thuẫn với nhau, mà QUẢ (sự trình bày sự biến chuyển của các điều kiện quan duyên với nhau) biến thái không lường. Thí dụ: một xã-hội nếu áp lực cao đáng lẽ phản lực không có, vậy mà có xã-hội lại áp lực càng cao phản lực càng mạnh. Vì vậy mà luật NHÂN-QUẢ là chân lý rất phức tạp, sâu và rộng, tuy hiển nhiên mà không thể hiểu giản-dị được.

IV. — Luật NHÂN-QUẢ, như chúng ta đã thấy, nó chi phối tất cả mọi phương diện. Từ những pháp cụ thể như người, như vạn hữu, cho đến những pháp trừu-tượng giữa người với người giữa người với vạn hữu, như luân-lý chính-trị văn-văn... đều là NHÂN-QUẢ, đều do NHÂN-QUẢ phát hiện, đều chuyển biến trong

Luật NHÂN-QUẢ. Cho nên luật NHÂN-QUẢ, cuối cùng, nó là chân lý hiện thật. Người ta có thể đi ngược lại sự Sống, nhưng không thể không thừa nhận cái luật của sự Sống: luật NHÂN-QUẢ. Bởi vậy mà luật NHÂN-QUẢ chỉ có điều chúng ta có nhận thức hay không nhận thức, chứ nó không khi nào ẩn hay hiện. Đức Phật chỉ giác-ngộ triệt để nó và khai thị nó cho chúng ta, chứ không phải sáng tạo ra luật NHÂN-QUẢ. Khế Kinh DIỆU PHÁP LIÊN HOA có câu: Thị pháp trú pháp vị, thể gian tướng thường trú — hiện tượng như thế là bởi nguyên nhân như thế, vũ trụ bản lai như vậy.

Lý thuyết NHÂN-QUẢ là như thế. Bây giờ chúng ta thử xét NHÂN-QUẢ đối với chúng ta quan hệ như thế nào?

A. — Khi đã hiểu NHÂN-QUẢ, chúng ta không còn tin định mạng hay ngẫu nhiên nữa. Không còn tin cuộc đời cái gì cũng đã có qui mô sẵn không thể sửa đổi. Không còn tin cuộc đời cái gì cũng tình cờ, đến không từ đâu, đi không để lại.

B. — Không còn tin ở sự chi phối của hoàn cảnh nữa. Không còn tin ở sự sắp đặt của hoàn cảnh nữa. Không còn thấy vũ-trụ bao la mà còn người là bất lực.

Không còn run sợ trước sức mạnh bất công cũng như không còn lùi bước trước nghĩa vụ nữa.

C. — Trái lại, khi đã hiểu NHÂN-QUẢ thì trước hết, chúng ta tin ở chúng ta, tin ở năng lực sáng tạo, năng lực xoay chuyển của chúng ta đối với cuộc đời. Nói cho rõ ràng hơn, người hiểu NHÂN-QUẢ không tin ở đâu cả mà chỉ tin ở mình, ở con người. Trên dưới chúng ta, trong ngoài chúng ta, không có gì và không có ai chi phối được cuộc đời ta. Cuộc đời chúng ta là cái Quả phải do cái Nhân là chính ta sáng tạo ra nó.

D. — Tuy vậy, trên thật tế, lắm khi chúng ta thấy hình như những thu hoạch không giống hành động của mình. Rồi chúng ta không tin NHÂN-QUẢ. Chúng ta kết luận NHÂN-QUẢ chỉ có một phạm vi tương đối. Không! Tất cả sự hưởng thụ, tất cả sự thu

hoạch, thật tế bao giờ cũng là phản ảnh trung thành cũng do một điều kiện đã gây ra: Quả nào Nhân ấy, mảy núp không sai. Nhưng sự sai chệch mà chúng ta cho là sai chệch đó chỉ vì nó là kết quả của một nguyên nhân quá khứ, hoặc là do sự mâu thuẫn của nguyên nhân gây ra mà thôi.

**E.** — Chúng ta căn cứ luật NHÂN-QUẢ, tin rằng đời chúng ta ta quyết định và kết quả là phản ảnh trung thành của nguyên-nhân thì chúng ta phải hướng về 3 phương diện này :

*1/ Phương diện đời chúng ta.* Đời chúng ta kết quả của năng lực hành động, — của ý chí hoạt động. Nói vắn tắt ý chí hoạt động là sống. Bởi thế nên tùy dự xu hướng của sự hoạt động ấy mà màu sắc đời chúng ta thay đổi. Biết vậy chúng ta phải mạnh mẽ hướng điều Thiện, ý chí hoạt động theo điều Thiện. Nhưng, thế nào gọi là Thiện ? Quan niệm Thiện Ác của chúng ta có nhiều chứ không như thật. — Có khi chúng ta cho một hành vi là Thiện mà tánh cách hành vi ấy chỉ như sự cho mỗi cá của người đi cầu, có khi chúng ta cho một thủ đoạn là Ác mà thủ đoạn ấy lại như sự phản ứng của ống thuốc bồ. Theo đạo Phật, một hành vi mà tính chất là hợp lẽ phải, ảnh hưởng là lợi mình lợi người, và kết quả là đem lại sự an-lạc ở hiện tại tương lai, mới là Thiện. Trái lại, một hành vi mà tính chất trái chánh lý, ảnh hưởng hại mình hại người, và kết quả là đau khổ ở hiện tại tương lai, thì hành vi ấy là Ác. Vậy đánh giá một hành vi không phải ngó bề ngoài, không phải căn cứ ở thiện cảm hay ác cảm của chúng ta, mà phải xét đủ mọi mặt. Và khi chúng ta hành động cũng thế, cũng phải thận trọng suy xét. Nước sơn ai cũng đánh được bóng đẹp cả, nhưng cái gỗ tốt chắc hì mới thật hiếm. Thường thường chúng ta sống theo bản năng và hành động theo tình cảm xung động, do ý chí điều khiển, chứ ít ai bắt ý chí phải tuân theo lý trí. Cái khác giữa người mê người ngộ là ở đó. Vậy chúng ta, những người Phật tử — nghĩa là đàn con của đấng Giác ngộ và là người trọng luật NHÂN-QUẢ nhất, thì phải tập hành động theo chánh-trí. Bản chất chánh trí là sáng ngời, hành động của chánh-trí là ích lợi, thì tất kết quả của chánh-trí (đời sống chúng ta) cũng rực ánh hào quang.

2/ *Phương diện xã hội*. Thành phần của một xã hội là do nhiều tổ chức và nhiều tư kỷ hợp lại. Dưới sự tương-quan ấy một tư kỷ sa ngã là tất cả sa ngã.

Lại xã hội là kết quả của sự sáng tạo của giai đoạn quá khứ dần lại. Dưới sự tương-duyên ấy, thể hệ này thối nát là thể hệ khác thối nát. Cho nên trong luật NHÂN-QUẢ xã hội người nương nhau mà sống, duyên nhau mà còn. Giúp nhau thì còn phần ly thì mất.

Cứ như thế chúng ta cũng đủ thấy rằng đã hiểu NHÂN-QUẢ, thì sống trong sự tương quan của xã hội chúng ta có trách nhiệm ; trách nhiệm chịu kết quả của tất cả quá khứ và trách nhiệm phải gây dựng cơ đồ tương lai. Là Phật-tử nghĩa là người hiểu mà phụng sự NHÂN-QUẢ, thì với xã-hội của mình sống, mình không được (sự thật bắt buộc như thế) ỷ lại vào ai, không được suy trách nhiệm cho sức thần bí, nào, lại càng không được đổ trách nhiệm cho người, cho hoàn cảnh. Phải ngó lại nơi mình. Phải đổ trách nhiệm về phần mình. Phải gánh trách nhiệm về phần mình. Trách nhiệm ấy là, cái hiện trạng xã hội bởi thế nào, cái đó bởi chúng ta gây tạo ra và phải cải tạo lại. Sống trong hào quang Trí-giác của Chư Phật, người Phật tử không được, không thể chia riêng cái lợi của mình khác cái lợi của người, cũng như không được bảo sự thối nát của xã hội là tại người không bởi mình. Phải thấy rõ ràng rằng không khí thơm tho hay hôi thối là chúng ta và mọi người đồng hít thở ! mà chúng ta, những người Phật tử, thì không bao giờ chịu hít thở chịu an phận với không khí thối nát của xã hội. Là Phật tử, chúng ta phủ nhận xã-hội đau khổ mà quyết vượt mình lên đòi hỏi sáng tạo một xã-hội an lạc đầy tinh tú. Cứ-chỉ ấy chỉ có ở nơi Phật tử, chúng ta, thì trách nhiệm ấy bổn phận ấy chúng ta phải gánh vác và phải đi dẫn đầu. Chúng ta thận trọng mà gánh lấy trách nhiệm ấy, tự hào mà gánh vác lấy.

3/ *Mục đích Giải thoát* : Giải-thoát, cảnh giới hoa lệ của từ bi và trí giác. Tất cả sự hẹp hòi, sự đau khổ, sự mê mờ, sự ô trọc của cảnh giới triền-phược này là phần ngược của cảnh giới Giải-Thoát. Cho nên đem sự an lạc của Giải-thoát tả cho người

nghe không khác gì đem sự mát mẻ của trời thu nói cho người sốt lên 40 độ. Trừ phi cho là « lý tưởng » cũng chỉ có thái độ « ngưỡng vọng » mà thôi. Nhưng đó là vì họ đem cảnh-giới Giải-thoát ngó lại cảnh giới đau-khổ trong khi họ cho cảnh-giới đau-khổ là thật-tế thể có khác nào họ đem một xã hội tương lai rực rỡ ngó lại xã-hội hiện tại đen tối trong khi họ an phận với xã hội ấy, thì làm gì chẳng cho là lý tưởng. Nếu họ biết nhìn sâu sự đau khổ bề-mặt của cảnh giới đau khổ rồi nhìn lại cảnh giới chân thường an lạc của Giải-thoát thì ít ra họ cũng trỗi dậy một hy vọng và một năng lực cải tạo cảnh giới hiện tại để thật hiện cho kỳ được cảnh giới Giải thoát, nếu không được như Giải thoát thì ít ra họ cũng lọc được ao nước trong thay cho vũng nước bùn trước khi lên tiên bờ cao-rộng. Và người Phật tử là sống theo lý tưởng đó. Họ luôn luôn phủ nhận cái hoàn cảnh đen tối hiện tại và vận dụng hết năng lực cải tạo hoàn cảnh ấy cho thành phương trời Giải-thoát. Nếu chưa được như thế, thì ít ra sự cải tạo ấy cũng đem lại cho cảnh giới hiện tại những điều tương đối tốt đẹp hơn. Người Phật tử không chia Giải thoát khác đau khổ như thiên-quốc khác trần gian. Họ thấy ao nước đục là bản chất hồ nước trong. Cho nên họ giáo hóa, họ cải tạo cảnh giới đau-khổ cho thành cảnh giới Giải thoát. Họ thấy tính chất của bùn lầy hôi thối mọc lên hoa sen thơm ngát. Cho nên họ không an phận với cảnh giới đau-khổ bùn lầy nhưng sáng tạo cảnh giới Giải thoát ngát hương trong cảnh giới ấy. Cao hơn mọi người, người hiền NHÂN QUẢ của Phật giáo, có 2 điều này : một, không đứng yên ở hoàn cảnh đen tối hiện tại của xã hội người mà tiến lên sáng tạo xã-hội người tốt đẹp hơn ; hai, rồi vẫn không dừng lại xã-hội người an lạc tương đối đó, họ còn cao xa hướng về chân trời Giải thoát.

Cho nên sáng tạo một cuộc đời tươi sáng, cải tạo một xã hội an lạc, và xây dựng một Giải thoát chân thường, ba điều ấy chỉ có thể có ở người hiền NHÂN QUẢ, sáng suốt nhận rõ sự tương quang tương duyên của vạn hữu, sáng chế và mạnh mẽ thi hành những phương tiện ích lợi. Rộng lớn thay chân lý NHÂN QUẢ, và cao cả thay đức PHẬT ĐÀ, người đã khai thị chân lý NHÂN QUẢ !

# LỜI PHẬT DẠY

MINH-CHAU

1) Như hoa sen mọc trong bùn mà không dính bùn  
đức Phật sanh ở trong đời mà không bị 'bùn đời ô-nhiễm

Kinh Tập A-HÀM

2) Sao trăng có thể rơi xuống đất, núi đá có thể bay trên  
hư không, bề đại dương có thể khô cạn, lời nói của đức  
Phật trăm kiếp ngàn đời cũng vẫn chân thật không giả-  
dối.

Kinh QUANG MINH ĐỒNG TỬ NHƠN DUYÊN

3) Đức Như-Lai không những chỉ riêng thuyết-pháp cho  
các hàng hào quý như vua Bạt-Đề-Ca mà cũng thuyết-pháp  
cho hạng người bần cùng như bọn ông Ưu-Bà-Ly ; không  
những chỉ riêng thọ lãnh sự cúng dường của các hàng giàu  
có như ông Tu-Đạt-Đa A-Na-Ban Đề mà cũng thọ lãnh sự cúng  
dường của các hàng nghèo khổ như ông Tu-Đạt-Đa ; không  
những riêng thuyết-pháp cho hạng người thông minh lợi  
cẩn như ông Xá-Lợi-Phất mà cũng thuyết-pháp cho hạng  
người ngu dốt độn cận như ông Chu-Hội Bàn-Đặc ; không  
những chỉ riêng cho phép các hạng không có tánh tham  
như ông Đại-Ca-Điếp xuất-gia mà cũng cho phép các hạng  
người nhiều tánh tham như ông Nan-Đà xuất-gia ; không  
những chỉ riêng cho các hạng người ít phiền não như ông

Ưu-Lâu-Tần-Loa xuất gia cầu đạo mà cũng cho các hạng người phiền não sâu nặng, phạm các trọng tội như Vua Ba-Tư-Nặc và em là Ưu-Đà-Gia xuất gia cầu đạo ; không những chỉ thuyết pháp cho hạng nam tử thông minh có trí mà cũng thuyết pháp cho hạng nữ nhân ngu dốt ; không những riêng chỉ dạy cho hàng xuất gia chứng bốn món đạo quả ; chẳng những riêng thuyết pháp cho những người an tịnh không dự việc đời, mà cũng thuyết pháp cho hạng người thống lãnh việc nước, dự việc ở đời như vua Tần-Ba-Ta-La ; không những chỉ riêng thuyết-pháp cho hạng người không uống rượu mà cũng thuyết-pháp cho hạng người say đắm rượu nồng như ông Úc-Già trưởng-giã ; không những chỉ riêng thuyết-pháp cho hạng người nhập thuyền định như ông Li-Bà-Đa, mà cũng thuyết-pháp cho các hạng người lảng tử loạn tâm như Bà-La-Môn nữ Bá-Tư-Sá ; không những chỉ riêng thuyết-pháp cho hàng đệ-tử riêng của mình mà cũng thuyết-pháp cho các hàng ngoại đạo như Ni-Càn-Tử ; không những chỉ thuyết-pháp cho hàng thanh-niên 25 tuổi mà cũng thuyết-pháp cho các bậc tuổi tác 80 tuổi ; không những riêng thuyết pháp cho hạng căn tánh thuần thực mà cũng thuyết-pháp cho hạng căn tánh chưa thuần thực ; không những riêng-thuyết pháp cho bà Mạt-Lợi phu-nhân mà cũng thuyết-pháp cho dâm-nữ Liên-Hoa ; chẳng những riêng thọ lãnh các món thượng soạn cam vị của Vua Ba-Tư-Nặc mà cũng thọ lãnh các món ăn tạp độc của Thi-Hội Cúc-Đa biết rằng : Thi-Hội Cúc-Đa đời trước thường tạo các nghịch tội, nhờ gặp Phật nghe Pháp, hèn phát tâm vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

KINH ĐẠI-BÁT NIẾT-BÀN

4) Ví như mặt trời mọc, trước chiếu hết thấy đại sơn vương, thứ chiếu hết thấy đại sơn, thứ nữa chiếu kim cang Bảo sơn, rồi mới chiếu hết thấy đất lớn. Ánh sáng mặt trời không có nghĩ rằng: ra trước chiếu các đại sơn vương rồi thứ lớp mới chiếu khắp đất lớn; chỉ vì các hòn núi có cao có thấp cho nên chiếu có trước có sau. Đức Như-Lai chánh-đẳng chánh-giác cũng lại như vậy khi ngài thành tựu chứng đẳng mặt trời trí-huệ vô lượng vô biên pháp giới, ngài thường phóng hào quang trí-huệ vô lượng vô ngại, trước chiếu các Đại sơn vương Bồ-tát Ma-Ha tát, thứ chiếu các vị Duyên-giác, Thanh-văn, thứ chiếu các chúng sanh có thiện căn chắc chắn, tùy theo cơ cảm thọ lãnh giáo hóa, rồi sau mới chiếu hết thấy chúng sanh, cho đến các tà định, làm các nhân duyên lợi ích cho đời sau. Ánh sáng mặt trời trí-huệ của đức Như-Lai chẳng ngờ rằng: ra trước sẽ chiếu các vị Bồ-tát rồi mới chiếu đến các hàng tà định. Đức Như-Lai chỉ phóng hào quang, khắp chiếu hết thấy không có phân - biệt.

### Kinh HOA-NGHIÊM

5) Như một người có 7 người con. Một người con bị bệnh. Tâm của cha mẹ không phải là không bình-đẳng ; nhưng đối với người con bị bệnh, tâm có thiên nhiều. Đức như lai cũng vậy. Đối với các chúng sanh không phải là không bình-đẳng ; đối với chúng sanh có tội, tâm Phật có thiên nhiều, đối với kẻ phóng vật, đức Phật thường có lòng từ-bi, đối với người không phóng vật, đức Phật thường có tâm hỷ-xả.

### Kinh ĐẠI-NIẾT-BÀN

# Những Mẫu Chuyện Đạo

*Đức Phật trước khi nhập Niết-Bàn, đĩnh ninh dạy các hàng đệ-tử rằng: « Hãy lấy giới luật làm Thầy. Giới-luật còn thì đạo ta còn ». Lời dạy này, trải qua hơn 2500 năm vẫn được các hàng đệ-tử tôn-trọng vâng theo. Dưới đây là hai mẫu chuyện về sự hành trì giới-luật.*

1) Một thời đức Phật ở nước Xá-Vệ, tại tinh xá Kỳ-Hoàn thuyết pháp cho chư Thiên nghe. Lúc bấy giờ, ở nước La-duyệt-Kỳ có hai vị tân học Tỷ-Kheo muốn yết-kiến đức Phật. Giữa hai nước ấy có một khoảng đồng rộng, không có người ở, lại gặp thời-tiết hạn-hán, nên suối hồ đều cạn. Hai người đi ngang qua, bị khát nước, chỉ gặp được vũng nước nhỏ thì lại bị đầy những loài trùng, không thể uống được. Hai người mới bàn với nhau rằng: « chúng ta từ xa lại, cốt trông mong chiêm ngưỡng đức Phật, không ngờ ngày nay lại bị chết khát ở giữa đường ». Một người nói rằng » Thôi ta hãy tạm uống để khỏi chết, có vậy mới gặp được Phật; vả lại ta có uống cũng không ai biết cả. » Người kia đáp rằng « Giới luật đức Phật chế ra, lấy như-từ làm gốc. Nếu giết hại chúng sanh để tự sống thì đâu thấy Phật cũng không ích gì. Thà rằng giữ giới chịu chết, chớ không phạm giới mà được sống. » Người đầu theo ý riêng mình uống nước đỡ khát và đi đến chỗ Phật ở. Người thứ hai không chịu uống nên phải chết vì khát, nhưng được sanh lên cõi Đao-Lợi Thiên. Nhờ suy-nghĩ nên

tự biết mình ở kiếp trước giữ giới không phạm nên được sanh lên cõi Đao-Lợi-Thiên, thật là do lòng tin mạnh nên phước báo chẳng xa vậy. Nghĩ đoạn bèn đem hương hoa đến lễ Phật rồi đứng hầu một bên. Còn người uống nước, phải cực khổ trải qua nhiều ngày mới đến chỗ Phật ở. Thấy đấng Chí Tôn oai-nghiêm, người liền cúi đầu đánh lễ, khóc-lóc bạch Phật rằng :

« Con còn có người bạn cũng muốn đến yết-kiến Phật, chẳng may giữa đường bị mệnh chung, dám mong đức Thế-Tôn biết cho. » Đức Phật trả lời : « Ta đã rõ rồi », bèn lấy tay chỉ vị Tiên-nhơn đứng hầu một bên mà nói rằng : « Người Tiên-nhơn này chính là người bạn của người đó. Người này vì giữ trọn giới luật nên được sanh lên cõi Trời và được gặp ta trước người. » Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn chỉ tay vào ngực và bảo người kia rằng » *Người tuy thấy hình ta mà không giữ giới luật của ta thời tuy người thấy ta mà ta không thấy người. Người kia tuy cách xa ta vạn dặm nhưng vẫn giữ giới-luật thời người ấy tất đứng trước mặt ta.* Lúc bấy giờ, đức Phật bèn thuyết bài kệ rằng : »

« Học nhiều lại nghe nhiều » « Trì giới chẳng trái phạm »  
« Hai đời được ngợi khen » « Chỗ sở nguyện được thành-tựu »  
« Học ít lại nghe ít » « Giữ giới không chu-toàn »  
« Hai đời bị đau khổ » « Chỗ sở-nghuyện bị táng mất »  
« Phàm học nên nghe nhiều » « Xét lý, nhận yếu nghĩa »  
« Dầu gặp nhiều tai-nạn » « Không gì đáng can ngại. »

Lúc bấy giờ vị Tỳ-Kheo nghe bài kệ xong bèn tự xấn hổ, cúi đầu xin sám-hối, yên lặng suy-ughĩ lời Phật dạy. Còn vị Tiên nhơn tâm sanh hoan-hỷ, chứng được Pháp-nhãn, trong chúng hội hoan-hỷ phụng hành.

### KINH PHÁP-CÚ THÍ-DỤ

Xưa tại nước An Đà có vị tỳ-kheo sai một vị Sa di đến nhà một người Cư sĩ lấy đồ ăn. Lúc bấy giờ cả nhà đi xem hội vắng, chỉ có một người con gái tuổi vừa 16, nhan sắc đẹp đẽ. Người con gái thấy vị Sa-di, tà hạnh nổi lên, bèn cúi lạy vị Sa di và thưa rằng : « nhà của tôi tiền bạc rất nhiều nếu ngài chịu theo ý muốn của tôi thì ngài làm chủ cái nhà này, tôi nguyện xin cung cấp tất cả. » Vị Sa di nghĩ rằng : Ta thà chịu bỏ thân mạng, quyết không phá cấm giới : Nghĩ vậy bèn vào trong phòng, đóng cửa quỳ thẳng chấp tay phát nguyện rằng : Tôi nguyện không bỏ Tam Bảo chánh giới, nguyện sanh vào nhà thanh tịnh dứt sạch mọi phiền não, thành đạo chánh giác. Phát nguyện xong bèn tự vẫn mà chết. Vua trong nước nghe tin bèn tán thán cho rằng việc chưa từng có, bèn tự thân hành đến đánh lễ trước vị Sa di, đề thi hài trên xe báu, làm lễ cúng dường, rồi đem các thứ gỗ thơm làm giàn hỏa thiêu thân vị Sa di xả thân giữ cấm giới.

### SA-DI-LUẬT-NGHI

## THUẬT SỐNG

*Mến tặng đạo-hữu* NGÔ-THANH-TỬ  
TỔNG-ANH-NGHỊ

Thôi không tưởng hôm qua ngày đã mất,  
Đã rơi vào Dĩ-vãng quá âm-u,  
Lãng-Quên đã lan tràn hầu choán đất,  
Thôi ta đi, ly biệt xứ mộng-mù !

Không lạc-lòng nữa chi vào quảng-bác,  
Bới tìm chi dấu vết bóng xa xôi ?  
Một ảo-ảnh ai còn tin đích xác  
Mà ta đau, tiếc nuôi viễn-vông hoài ?

Nghĩ chi vội mai đây, ngày chưa đến,  
Chưa hiện về, về với cánh Thời-Gian:  
Cũng là bóng hảo-huyền, chưa cập bến  
Ngày đợi chờ, làm nguội lửa cường-cang !

Lui tới chẳng phải nơi, thì cuồng-vọng  
Xúm nhau mà lầy-lụa phần óc tim :  
Ta tự hại bởi nuôi trùng huyền-mộng,  
Đề mê-mang trong biển oán ta chìm !



Thức tỉnh tôi giờ mai bằng ánh sáng,  
Xối khắp người, ôi quang tuyến vô-biên,  
Ôi lửa Tuệ diệu-mầu, thiêu chán nản,  
Rửa tâm hồn tôi sạch hết ưu-phiền !

Đây hình ảnh tiếng cười ròn Hiện-Tại  
Đời hiển mình bằng tuyết đủ chất nguyên,  
Bao cảnh-sắc thanh-kỳ mà dễ-dãi  
Với lòng người hứa-hẹn mỗi giao-duyên !

Thì kể chi việc trần bày bé nhỏ  
Oán tranh nhau với phú quý công danh,  
Sống riêng đi, khác đi, nhưng hãy nhớ  
Thi-nhân ơi sống xứng những ngày xanh.

Hãy bình-tĩnh thanh trừ bao thống khổ,  
Bao gian-truân, tai-ách, với toàn năng,  
Sống thề sống thời xưa người thái-cổ :  
Chung biển trời, lòng trí hiệp thẳng-bằng.



Đây hạnh-phúc, bó ngày dài êm ái,  
Là vòng hoa tự tay ấy trang-hoàng,  
Đem tin-tưởng đời thay vào ý-lại,  
Kết cho đời sống rạng những hào-quang !

*(Thích tập thơ Phật)*

# TÂM QUAN-NIỆM SAI LẦM

## Của Phàm-phu và Tiều-thừa

THÍCH-TRÍ-QUẢNG

Đã từ lâu và hiện nay cho đến vô lượng đời sau, chúng sanh mãi sống với vọng-tướng mê-mờ với cảnh-giới bọt nổi; cứ cố chấp tâm cảnh mộng huyền là thường trú chơn-thật, nếu không một phen giác-ngộ. Vì thế nên không nhận được tâm tánh sáng-suốt thanh-tịnh và chơn-thường, ngay trong hiện tiền của mỗi người hay của toàn thể.

Hằng ngày quay cuồng theo ảo-tướng đảo-diễn, khiến sanh ra biết bao điều sai lầm. Quan-niệm sai lầm dù vô-số nhưng ta có thể tóm trong 8 điều, xuất sanh từ hai hạng phàm-phu và tiều-thừa.

Tám điều này trong kinh gọi là Bát Điện-đảo.

### I. Quan-niệm của phàm-phu.

1) Vô thường chấp thường. — Ở địa-vị phàm-phu chánh trí đã bị vô-minh làm mù quáng, nên lầm chấp tâm sanh diệt biến chuyển mau lẹ như điện chớp, là vĩnh-viễn không dời đổi. Không biết tâm ấy đức Phật đã từng nói: « Nó là tướng tướng-tượng của cảnh trần hư vọng ». Cảnh diệt thì tâm diệt, cảnh sanh thì tâm sanh, thăm thăm dời đổi như giòng nước chảy mạnh.

Đã lầm nhận tâm vô thường là thường-trú, thì không thể nhận được chơn tâm không sanh diệt, luôn luôn hiển lộ nơi sáu căn. Như sắc thanh lúc có lúc không, nhưng tánh thấy nghe có bao giờ sanh diệt dời thay; vì lúc không thanh sắc, tánh thấy nghe vẫn tồn-tại.

2) *Khổ mê làm cho là vui vĩnh viễn.* — Bấy giờ cũng như bao giờ chúng sanh thường chạm với cảnh đau khổ lo âu, nhưng lại dấn đến nhận khổ làm vui ; cảnh vui của phàm-phu là nhơn của khổ, thú vui của vật dục, là nhơn của truy lạc suy-đời ; một xã-hội tràn đầy hành lạc, tham vọng, xã-hội ấy sẽ hư-nát yếu hèn. Một bằng chứng hiển nhiên : ba năm qua, không một ai tránh khỏi nỗi khốn-khổ về tai-nạn của chiến-tranh. Cồ-Đức có nói : « Cảnh khổ nơi Ta-Bà, ai có thể tính xiết được, thế mà người đời trái lại lấy khổ làm vui ». Đã đắm theo cảnh vui giả-dối mong manh, nhơn của đau khổ, thì không thể nào hưởng được cảnh vui giải-thoát tịch-diệt và cứu-cánh của chơn-tánh.

3) *Mọi cảnh vật không tự thể chấp có bản thể chắc thật.* — Trong vũ-trụ bao-la : nào người, vật, núi, sông, cỏ-cây v.v. . . đủ muôn hình vạn trạng ; mặc dù mỗi loài đều có hình tướng khác nhau, nhưng xét kỹ từ vật nhỏ đến vật lớn, đều do các duyên hợp thành, không có tự-thể. Một ngôi nhà được thành hình phải tốn nhiều vật-liệu và nhơn-công, nếu phân tách ra không còn hình tướng của ngôi nhà nữa. Suy rộng ra đều là như thế cả. Phàm-phu theo chỗ hiểu biết sai lầm, chấp cái hình thể do các duyên hòa hợp là một bản-ngã chắc thật. Một khi đã có bản-ngã, thì những gì của bản-ngã đều lo cũng-cổ bảo-thủ, chia ranh giới giữa người và ta không ai có thể xâm chiếm được. Cũng vì thế, mà sanh ra cảnh tượng tương-tàn tương-sát rừng-rợn thảm-thê. Biết bao giờ nhận định được sự giả-dối của bản-ngã nhỏ hẹp và tiến dần đến Chơn-Ngã rộng lớn tự tại vĩnh-viễn nơi tâm-tánh.

4) *Thân-thể bất tịnh chấp là thanh-tịnh.* — Bản thân của phàm-phu mà có là nhờ tinh huyết của cha mẹ cấu tạo ; đã do tinh huyết hòa-hợp thì hình-thể ấy biết bao nhơ-nớp, tanh hôi, ta thử xem như khi bài tiết hay một xác chết thối

đầy lộ thấy. Hiên nhiên như thế, sao giữa loài người vẫn chưa hết người chịu nhận thân mình là nhơ-nhớp, và giả dối tanh hôi. Trái lại còn bệnh vực bản thân chăm lo trang sức thân thể cho tốt đẹp, một cách mù quáng. Vì say mê theo thân, nên luôn luôn giữ gìn và làm việc gì cũng vì thân trước hết, thân là mục tiêu của mọi hành động! Tìm đủ phương pháp đề cung-cấp sự đòi hỏi của thân-thể, — dù là phương-pháp đề tiện và có hại đến mọi người cũng không bỏ qua, miễn sao thân thể thỏa-thích là được. Vì sự cung phụng đề hạ cho khẩu thân ấy, nên đã giết hại vô-số sinh-linh vô tội, tạo biết bao ác-nghiệp, tự mình đọa lạc trong tam-đồ. Đức Lão Tử nói: « Ta có khốn-khổ lớn, vì ta có thân, nếu ta không thân đâu có khổ-lụy gì ». Và có câu: « Thân là nguồn gốc của muôn ngàn đau khổ ». Do mê theo nhục thân ô-uế, nên không ngộ được chơn-thân trong sạch sáng-suốt tốt-đẹp.

## II. Quan-niệm của Tiều-thừa.

Đức Phật thấy chúng sanh bị tù hãm trong sanh tử luân-hồi không thể giải-thoát được, là do điên-đảo nơi tâm cảnh. Ngài bèn dạy pháp môn tứ-niệm-xứ để phá tan những vọng niệm điên điên. Tứ-niệm-xứ: Thân vô thường, lãnh thọ đều khổ, các pháp không tự thể và thân thể bất tịnh; bốn phép này là một vị thuốc để chữa bệnh điên đảo chấp thường, lạc, ngã, tịnh của phàm-phu chúng sanh.

Phải tiều-thừa tu theo tứ-niệm-xứ, rời khỏi tâm nhàm chán, mong thoát ly cảnh giới ô trược của phàm-phu, để chứng cảnh giới Niết bàn. Vì thế, nên bị liệt vào hạng tu tiêu-cực tự lợi và chán đời, đối với đại-thừa đó cũng là điên-đảo.

5) *Tánh chơn thường cho là vô-thường.* — Trên phân biệt vọng-tướng hằng có tâm tánh chơn thường hiển-lộ. Trong mỗi mỗi giác-quan đều có mặt đức tánh thường trú: nước biển cả thường có sóng bọt, sóng bọt có nổi chìm

tan hợp, tánh nước vẫn y-nhiên. Tâm chơn thường cũng thế, mặc dù cảnh tượng đổi dời, nhưng tâm chơn thường không vì thế mà tổn giảm. Tiều-thừa không hiểu đến chơn-tướng của thức thứ 8, chỉ nhận được tướng điều động, biến chuyển thô phù của 6 thức trước mà thôi. Vì thấy thức tâm thay đổi không ngừng, cho tâm thức là vô thường, và cho là một chướng ngại vật trong cảnh thiền quán, nên tinh-tấn tu-tập để diệt trừ tướng thô động mỗi của thức-tâm. Khi vọng-tướng sanh diệt của 6 thức tiêm-phục cho là cảnh Niết-Bàn tịch-diệt, rồi an-trú nơi cảnh ấy không tu tập nữa. Đâu biết cảnh giới đã chứng kia chưa phải là cứu-cách tịch-diệt, vì bề trong hãy còn những công-năng biến chuyển tương-tục rất nhỏ-nhiệm trên thức thứ 8. Chứng nào những công-năng kia tiêu diệt thì tánh-đức chơn-thường hiện tiền đó mới là chơn tịch-diệt.

6) *Chơn lạc của tâm tánh cho là khổ.* — Tiều-thừa buông tâm mắt xem toàn là một vũ-trụ đau khổ, vì thế, nên e ngại và chán nản, không dám hay không muốn dẫn bước trên đường đời đầy khổ ải để cứu vớt chúng sanh. Cố tìm một cảnh tịch-mịch tu-tập để mau ra khỏi ngục-tù khốn-khổ; Biết đâu ngay trong cảnh khổ có cảnh vui vô-tận, nếu khéo dụng tâm, đối với mọi hoàn cảnh: khen, chê, thanh, suy, đắc, thất v. v. . . vẫn thản-nhiên không lay động theo cảnh, như luồng gió thoảng qua không gian; ngoại cảnh không thể làm xao động chơn tâm, tâm tánh thường vắng lặng, ấy là tánh-đức tịch-diệt lạc của bần tâm.

7) *Chơn tánh là bản thể thường trú sai lầm cho là không tự thể.* — Những hình thức sai khác giữa vũ-trụ, dưới tâm mắt của nhà tiều-thừa đều là trống rỗng không tự thể. Cho rằng người đời vì bản-ngã mà tạo nhiều tội lỗi, đọa lạc trong

nhà lửa tam-giới, ngã chấp là động-cơ của tội lỗi, muốn phá bản-ngã nên dùng quán-trí quán bốn thân do duyên ngũ uẩn hòa-hợp mà thành, nếu chia ngũ-uẩn ra thì không có ngã tương tồn-tại; quán thân mình đã thối, thì mọi người cho đến toan thối chúng sanh đều không có tự thể chắc thật. Bấy giờ vô-ngã trí hiện tiền-diệt được phiền-não—chứng phá trừ ngã chấp, cắt đứt giây luân-hồi, cho thể là công nghiệp tu-hành đã đến kết-quả rốt ráo; Nhưng không dè hễ còn bệnh pháp-chấp thâm sâu, sở-tri ngăn cách, thoát khỏi sanh tử hình đoạn trong 3 cõi, lại sa vào sanh diệt chuyển đời ngoài tam giới. Biết bao giờ chúng được tánh đức chọn thật tự-tại vô ngại?!

8) *Pháp thân thanh tịnh cho là ó uế nhục thể.* — Tiều-thừa xem thân-thể bằng cặp mắt ghê-tởm, cho thân là một quái tượng, là đồng nhơ-nhớp phủ ngoài bằng lớp lụa trắng, ấy là kết-quả của pháp môn « bất tịnh-quán ». Vì cầu thoát thân-thể ghê-gớm kia, nên hành-hạ thân-thể bằng những lối tu khổ hạnh; có nhiều vị muốn mau kết-quả, bèn tiêu-hủy thân-thể, để sớm giải-thoát, lòng hy-sinh vì đạo của các ngài ấy thật ít có. Nhưng đáng tiếc thay ngay trong thân thể ô-uế vẫn có pháp-thân trong suốt và trang-nghiêm, mà hàng tiều-thừa không ngộ được. Pháp-thân ấy chính là tánh-đức chọn thanh-tịnh. Thân này những vị đã giác-ngộ như chư Phật và Bồ-tát đều chứng được. Trong khi tạo nghiệp sa-đọa sáu đạo pháp-thân vẫn an nhiên tự-tại, nên kinh có câu: « Pháp-thân lưu chuyển ngũ đạo ». Viên ngọc nơi bùn lầy cũng vẫn là viên ngọc sáng không bị bùn lầy làm nhớp mất tánh sáng suốt của nó. Nếu là nhục-thân để cầu chứng pháp-thân thì không bao giờ đạt được hy-vọng.

Phàm-phu nhìn đời bằng cặp mắt đắm-duối, đeo-duối theo cảnh tượng bèo mây. Trái lại nhà tiểu-thừa nhìn đời bằng đôi mắt bi-quan, nhằm chán lánh xa hoàn cảnh. Một bên lấy giả làm thật, một bên lìa giả để tìm cảnh thật, cả hai đều đi xa sự thật; vì ở trên vọng-tưởng phân biệt mà nhìn sự thật, thì không thể thấy được sự thật. Sự thật là chơn-tánh-thật-tại của vũ trụ nhơn-sanh.

### Theo quan-niệm Đại-thừa.

Quan-niệm Đại-thừa nhận sự thật là quan-niệm chiết trung, nghĩa là không phải mê cảnh như phàm-phu và nhằm chán như tiểu-thừa, đứng giữa ranh giới của phàm-phu và nhị-thừa để nhận sự thật. Sự thật là sự thật, xưa nay vẫn thế, phàm-phu mê ám, Tiểu-thừa nhận lầm, tức là ở trong hoàn cảnh vật-dục mà không say-đắm, hằng sống với sự thật và thường thọ dụng với sự thật. — Như ta đã biết, tâm tánh chơn thật không thể đem vọng-tưởng phân biệt mà nhận được. Tánh chơn thật vượt ngoài sự tương đối, dù tâm hay cảnh mà có đối-đãi phân biệt thì không phải là tánh chơn-thật. Trong kinh thường dùng chữ « bất » và chữ « phi » để biểu cho tâm tánh ly danh tướng và tuyệt đối. Muốn chứng đến tánh-đức chơn thật cần phải trải qua con đường tu-tập thiền quán để tiêu trừ vọng-tưởng; khi vọng-tưởng dần dần đứng lặng và tiêu tan thì chơn-tánh hiện bày. Con đường này chư Phật và Bồ-tát đều có đi qua và các ngài đã chứng đến sự thật của toàn thể cảnh giới. Tánh đức chơn thật ấy là bốn đức Niết-Bàn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thật-sự vĩnh viễn vô cùng.

# Đạo Phật ở Phần-Lan

PHƯƠNG-CHU

*Chúng tôi tóm tắt dưới đây buổi nói chuyện của ông MAU-NO NORDBERG, nguyên lãnh-sự Phần-Lan ở Pháp tại Hội-Quán Hội « LES AMIS DU BOUDDHISME » ở Paris vào ngày mùng 9 tháng Giêng năm 1949. Trong buổi nói chuyện này, ông Mau-no Nordberg trình bày sự hoạt động về Phật-sự của Hội Phật-Học Phần-Lan.*

Chúng tôi xin giải bày sau đây, những nguyên-nhân gì khiến chúng tôi theo đạo Phật :

1) Đạo Phật là đạo khoan-hồng rộng rãi nhất, một sự khoan hòa không bờ bến không tôn-giáo nào sánh kịp. Lịch-sử truyền giáo đạo Phật không làm đổ một giọt máu tương-tàn nào là vì tất cả Phật-tử đều kính trọng và thực hành sự khoan-hòa đối với mọi loài, mọi người, mọi tôn giáo và không bao giờ giết hại ai.

2) Đạo Phật là đạo của *lý-trí*, của *giác-ngộ*. Đức Phật cấm hẳn sự tin càn, mê muội đối với các học thuyết, cho đến với đạo Phật cũng vậy. Đức Phật là một nhà *tự-do tư-tưởng* trước tiên đối với tất cả thời-đại, và lịch sử các tôn phái trong đạo Phật luôn luôn kính trọng sự tự do tư-tưởng. Chúng tôi miễn sự so-sánh, mọi người đều có thể tự hiểu.

3) Đạo Phật *ngăn cấm sự uống rượu*, sự ngăn cấm này có phần rõ ràng và nghiêm nhặt hơn sự ngăn cấm của Hồi-giáo. Sự lạm dụng rượu thật là một tai nạn cho toàn cõi Âu-Châu.

4) Đặc điểm hơn hết là những *định luật luân lý* trong đạo Phật dựa trên những nền tảng vững chắc. Những

định luật ấy cũng là những định luật của vũ-trụ và những ai trái phạm, sẽ tự mình gánh chịu những kết-quả mà không thể chuyển đổi qua kẻ vô-tội. Đạo Phật không phải là đạo của những kẻ nhu-nhược ; mà là đạo của các hàng trí-thức. Điều đáng chú ý là sự giản dị bề ngoài của pháp « Tám con đường chánh » (Bát chánh đạo) nhưng một khi có ai phát nguyện thiết hành hi sẽ gặp rất nhiều trở ngại khó khăn trên con đường tu học. Phần đông đều nhận hiểu dễ dàng đạo lý « Nghiệp-báo và Luân hồi » mà những nhà thông thiên học truyền qua trước những Phật-tử, nhưng đối với đạo lý « khổ, không, vô ngã » nhất là đối với đạo lý *vô ngã* thì rất ít người nhận thức được. Phần đông cho rằng đạo lý *vô ngã* ra ngoài sự tưởng-tượng. Mọi người đều quen xem *linh hồn* như một vật thường còn không thay đổi, và không chịu công nhận tánh cách vô thường và biến diệt của *linh hồn*, một hóa hợp gồm cả hai phần vật lý và tinh thần. Cho đến những nhà tâm lý học cận đại tuy hiểu lý « vô ngã » dưới một danh-từ khác, cũng không thể hoán cải những hạng người quá mê say « bản-ngã » vì chúng tôi thường hay xem ra luận bản về ba đạo lý « khổ, không, vô ngã » này.

Tuy rằng đức Phật ít chú-trọng đến các vấn-đề xã-hội và chánh-trị và thường giảng dạy sự *giải-thoát luân-hồi* và con đường đưa đến *Niết-Bàn*, nhưng không gì trở ngại các nhà cải-cách và nhà chánh-trị, nghiên-cứu giáo-pháp Phật dạy để áp dụng trong đời-sống hằng ngày của Đại chúng vì Đại-chúng không thể thực hành theo những hạnh tu khó-khăn được.

Có lẽ chúng tôi có lỗi, nhưng hình như kinh điển đạo Phật mà chúng tôi chỉ coi một phần rất ít,

có một khuyết-diễm. Ở một bên những lý thuyết-trình tuyền diệu về « tám con đường chánh », hình như không có một kinh-diễm nào (1) giảng giải phương-pháp áp dụng những yếu-lý đạo Phật trong đời sống xã-hội và chánh trị hiện-đại. Chúng tôi chỉ được đọc một quyển về loại này, viết bằng tiếng Đức, xuất bản năm 1910 nhan đề là « Buddhismus als Reformge danke für unsere Zeit » (Đạo Phật ứng dụng trong sự cải cách thế - giới hiện đại) dưới biệt hiệu VASETTHO ; sau khi xuất-bản quyển này chúng tôi phải trải qua hai nạn chiến-tranh, rất đau-dớn; những tư-tưởng nhân đạo của VASETTHO không được những đồng bào Đức của VASETTHO đem ra áp dụng, và lúc này là lúc thích hợp nhất nếu được một Phật-Tử cư-sĩ nào học rộng hiểu nhiều, với một ngòi bút điêu luyện, đem vấn đề này bàn rộng ra.

Chúng tôi tự nghĩ rằng đạo Phật đem ra áp dụng một cách rộng-rãi vào đời sống hằng ngày và đời sống chánh-trị, thời thật là một sự cách-mạng vĩ-dại nhất trong lịch-sử nhân loại. Riêng đối với phần-tử nào chịu sống theo đạo Phật thời cũng là một vị cách-mạng tinh-thần và lý-trí đối với phần-tử ấy rồi. Chắc có người sẽ cho là một ảo mộng, nhưng sau những ác mộng ghê tởn đã sống, chúng ta có quyền mơ-tưởng đến một đời sống lý-tưởng và đời sống lý-tưởng này đã được vua A-ĐỤC thực hiện vào thế-kỷ thứ III trước Thiên-Chúa giáng sinh trong 8 nước Ấn-Độ độc-lập và thống-nhất dưới quyền cai-trị của ngài.

---

1) Sự thật, những kinh điển và loại này cũng rất nhiều như kinh Ưu-Bà-tắc-giới, Bộ-tắc-kinh, thiện sanh kinh v. v . . . nhưng vì chưa được phổ cập nên ít người biết đến.

# TIN TỨC

**TỔNG TRỊ SỰ.** — Tổng-Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học đã nhận được các số tiền về khoản ủng-hộ quỹ CÙNG DƯỜNG GIẢNG SỰ của các Tỉnh-Hội... và Chi-Hội Đà-Nẵng 1000\$00, Đà-lạt mỗi tháng 300\$00, còn các Tỉnh Hội và Chi-Hội khác chưa nhận được ngân phiếu nên chưa tiện đăng.

Tổng-Trị-Sự xin cảm ơn quý vị hảo-tâm đã giúp đỡ chúng tôi trong công-cuộc hộ-pháp, và xin thành tâm cầu nguyện chư Phật gia-hộ quý vị phước lạc vô biên, bồ-đề tâm kiên cố.

Phương danh quý vị hảo tâm chúng tôi sẽ lần lượt đăng vào Viên-Ấm.

**BAN TỔNG PHÁT HÀNH VĂN HÓA.** — Ban Tổng-Phát-Hành Tùng-Thư Tổng-Trị-Sự yêu cầu các Tỉnh-Hội các Chi-Hội, các Khuôn Tịnh-Độ, các tư-gia có thỉnh kinh sách chưa trả tiền, xin thanh toán gấp để Ban Phát-Hành có thể tiến hành công việc.

Tổng-Trị-Sự vừa nhận được thư của Ban Trị-Sự Sơn-Môn Tăng-Già Thừa-Thiên tin cho biết sẽ tổ chức một Giới Đàn vào ngày 11, 12 13, tháng 8 Kỷ-sửu tại chùa Bảo-Quốc.

**BAN QUẢN LÝ VIÊN ẨM.** — Ban Quản-lý VIÊN-ẨM đã nhận được các khoản tiền của quý vị Độc-giả dài hạn gửi về, nhưng cũng có một ít độc-giả dài hạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm) chưa gửi tiền về, chúng tôi yêu cầu quý-vị Độc-giả gửi về gấp cho để thanh toán sổ sách.

Xin báo cáo quý vị Độc-giả biết quyền biên lai thu Viên-Ấm màu vàng, đánh số từ 503 đến 550, kể từ nay trở đi không có giá trị nữa vì bị thất lạc.